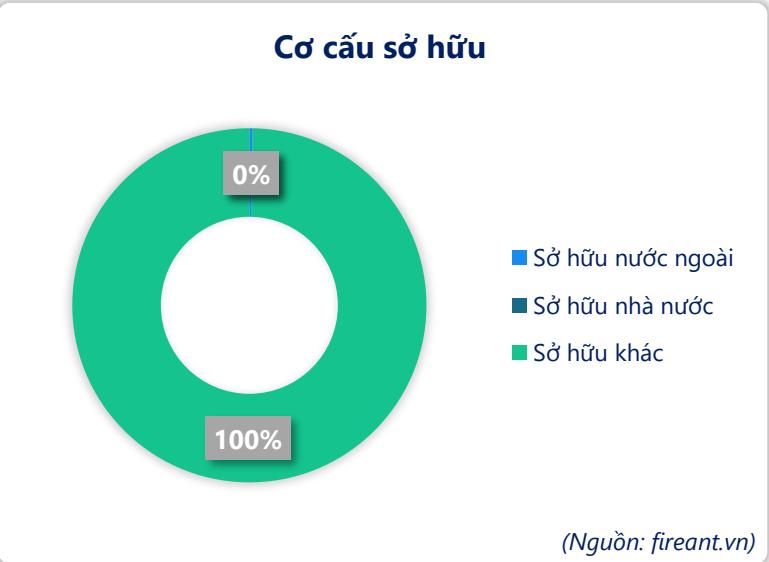
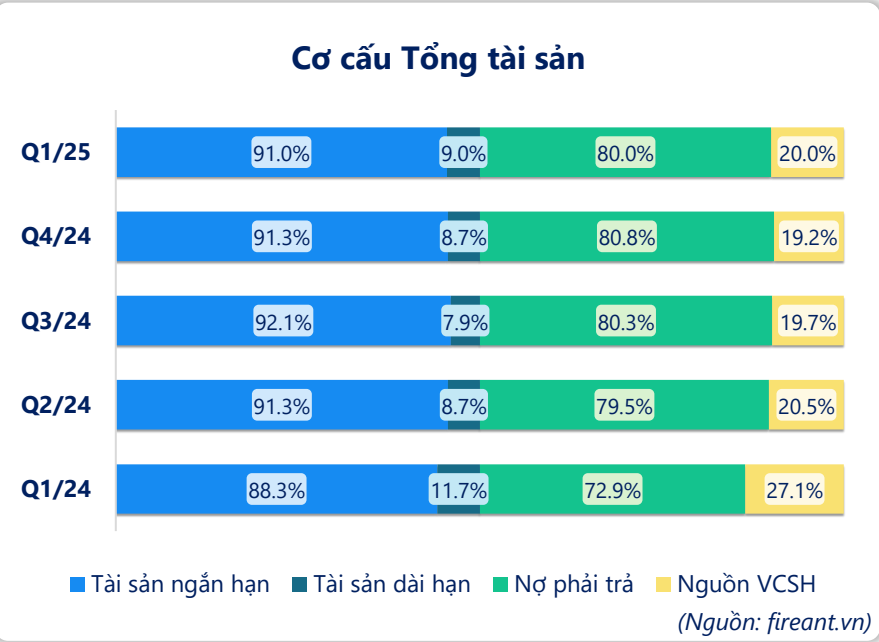
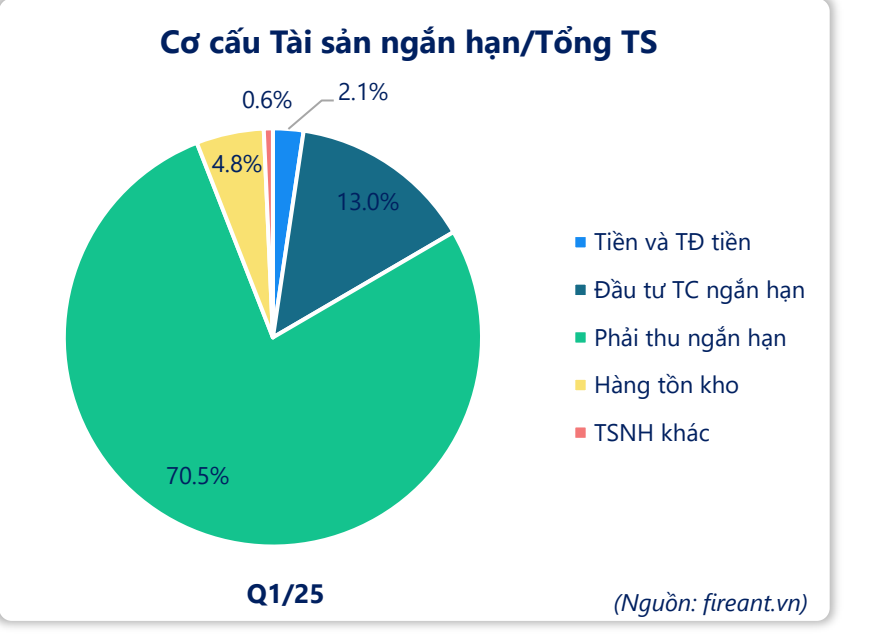
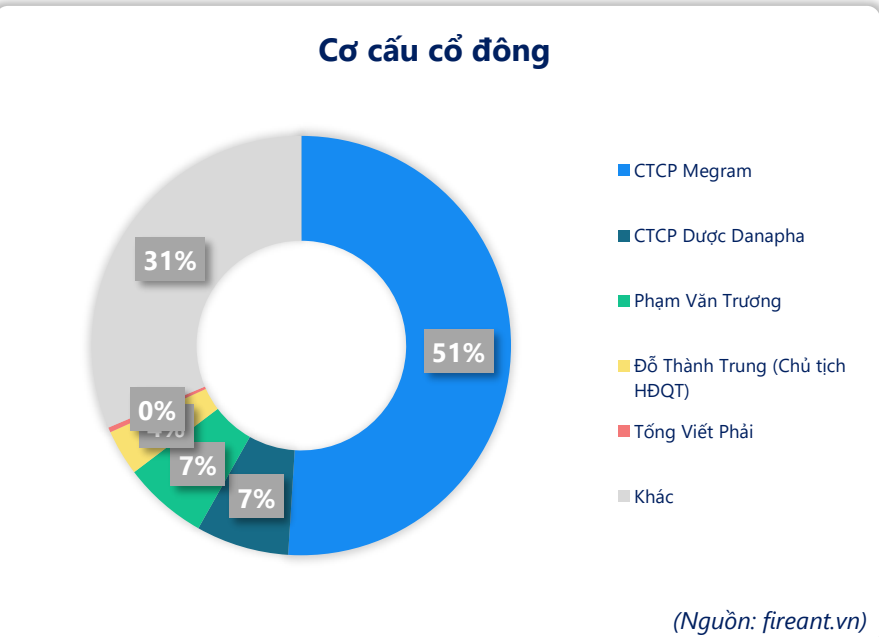
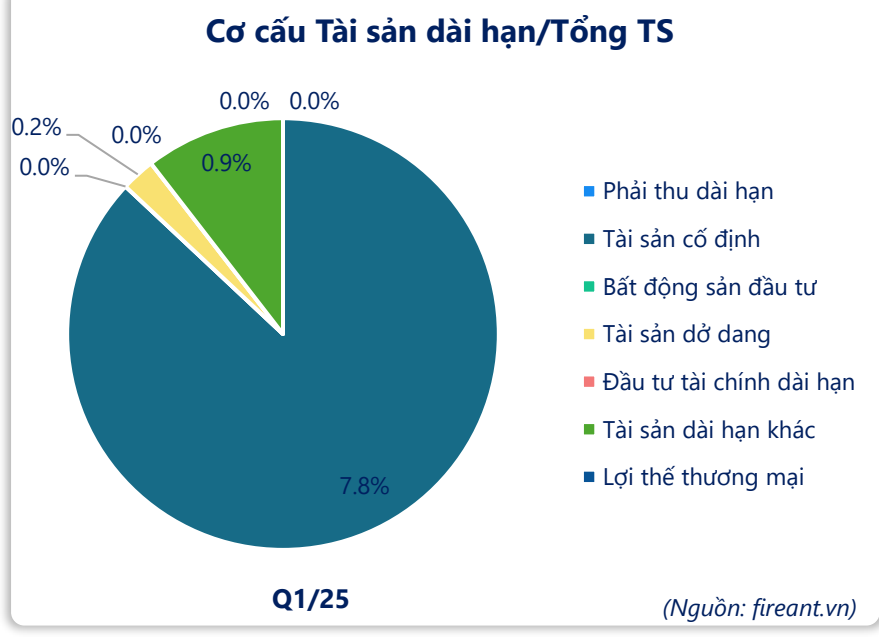
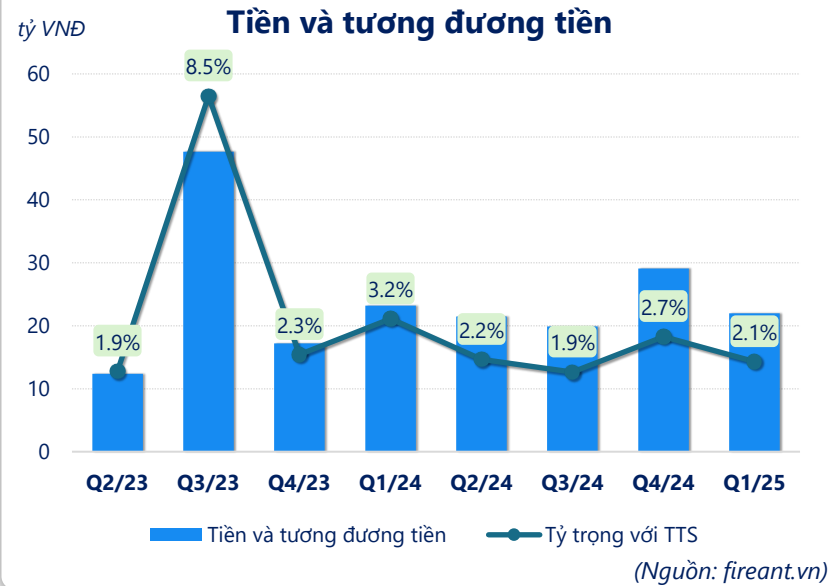
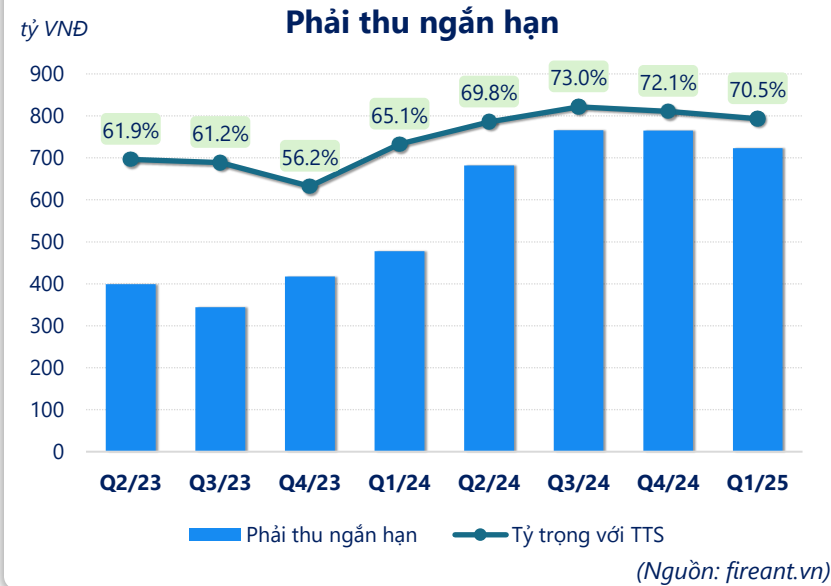
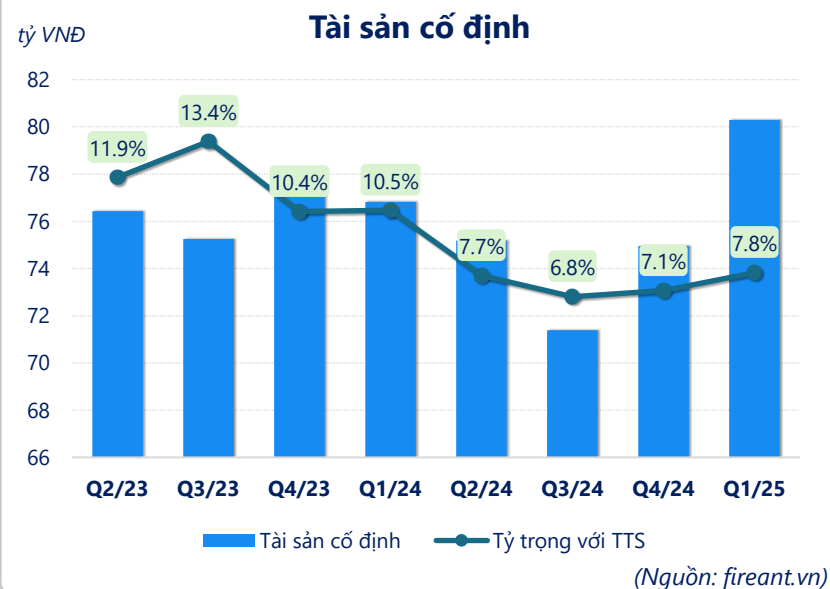
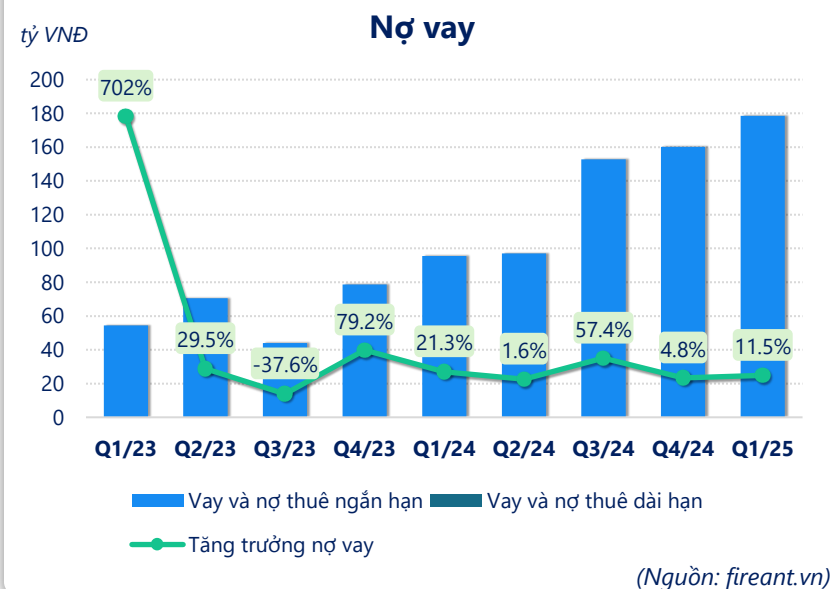
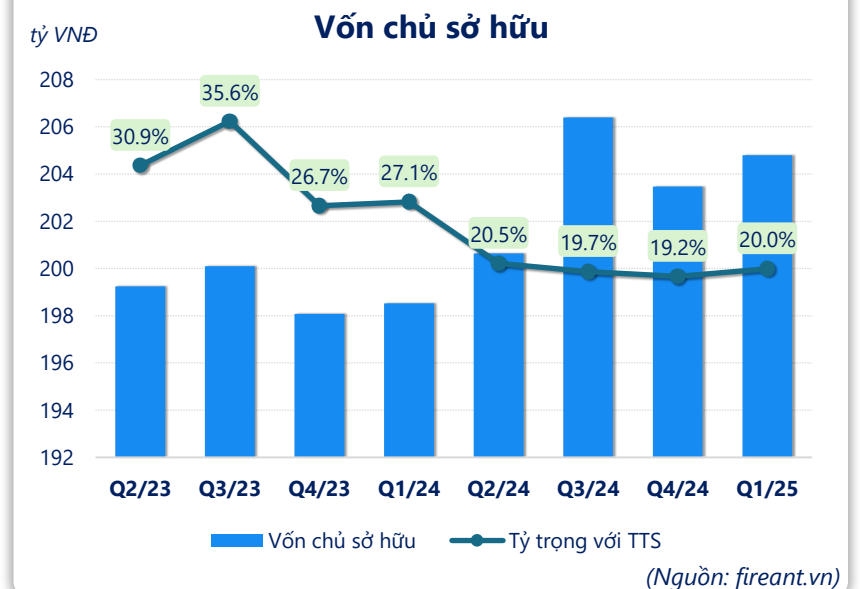
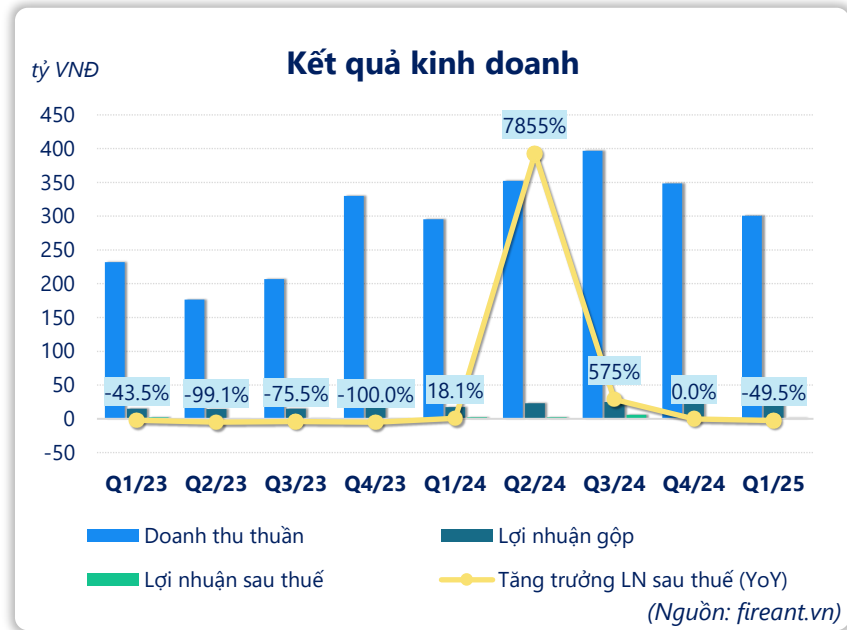
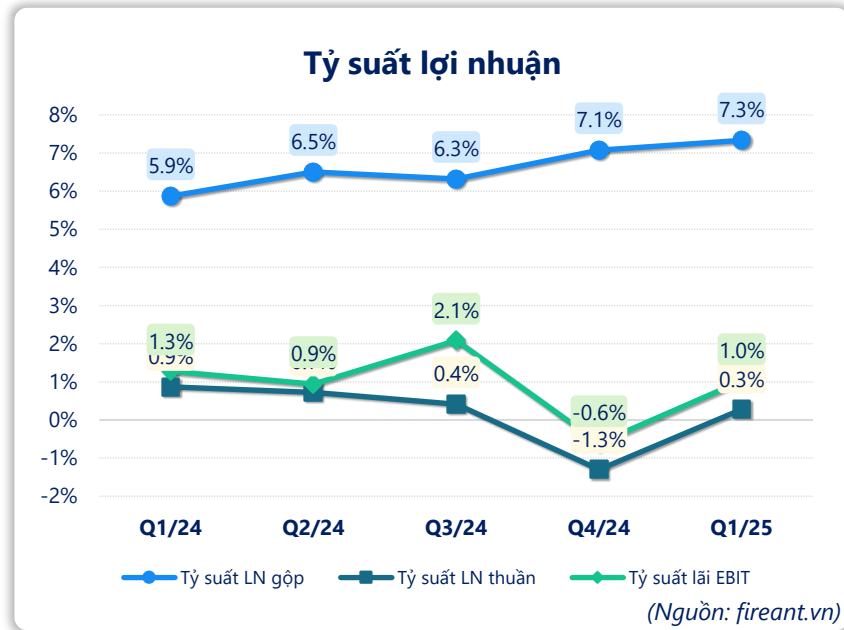
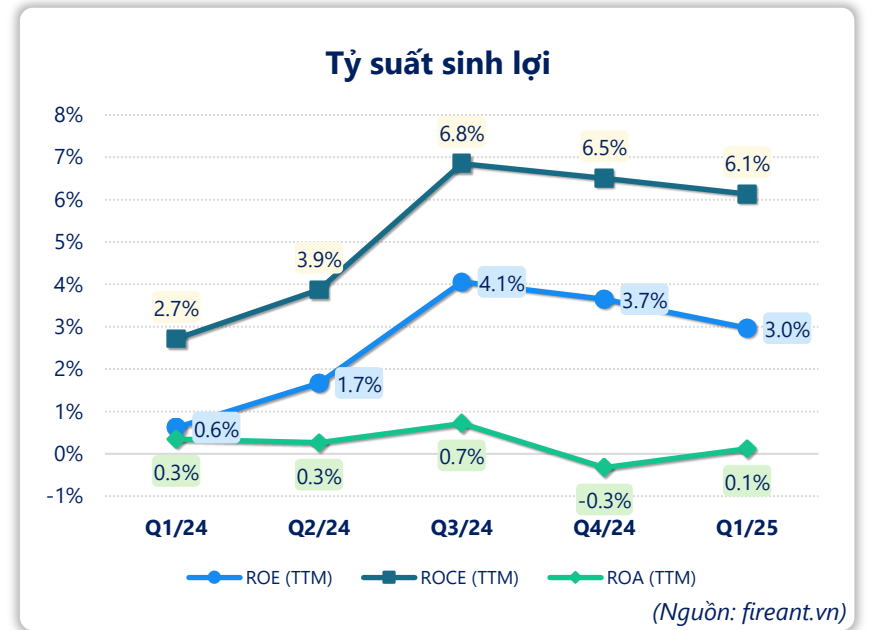
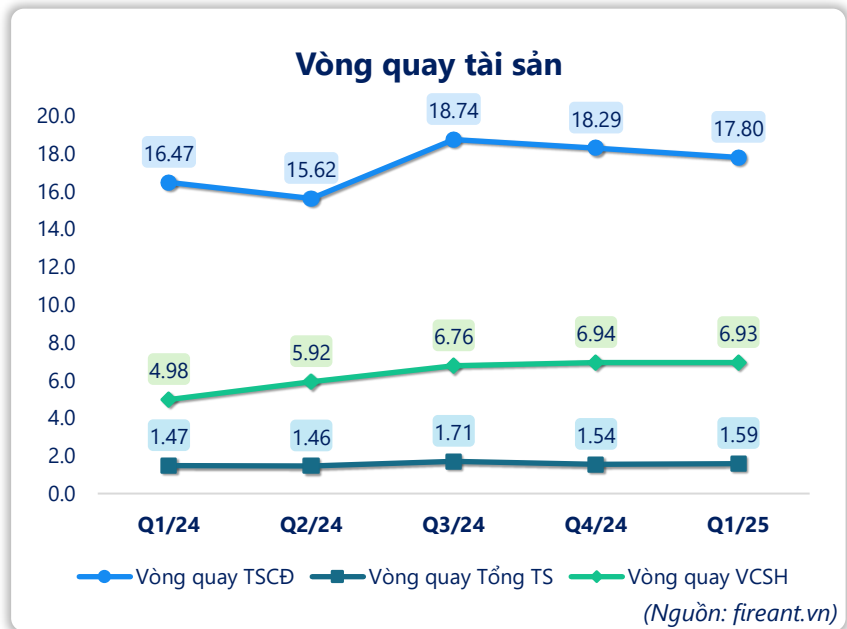
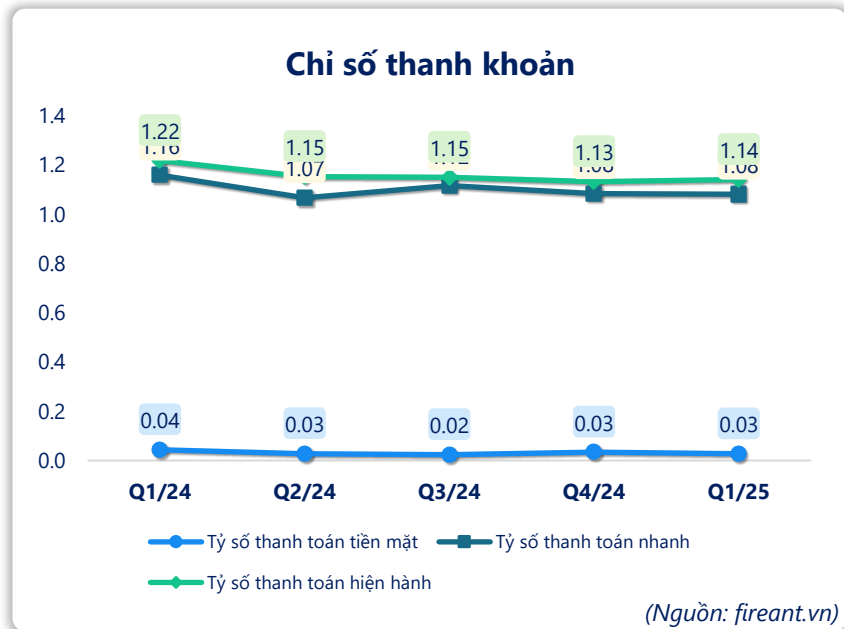
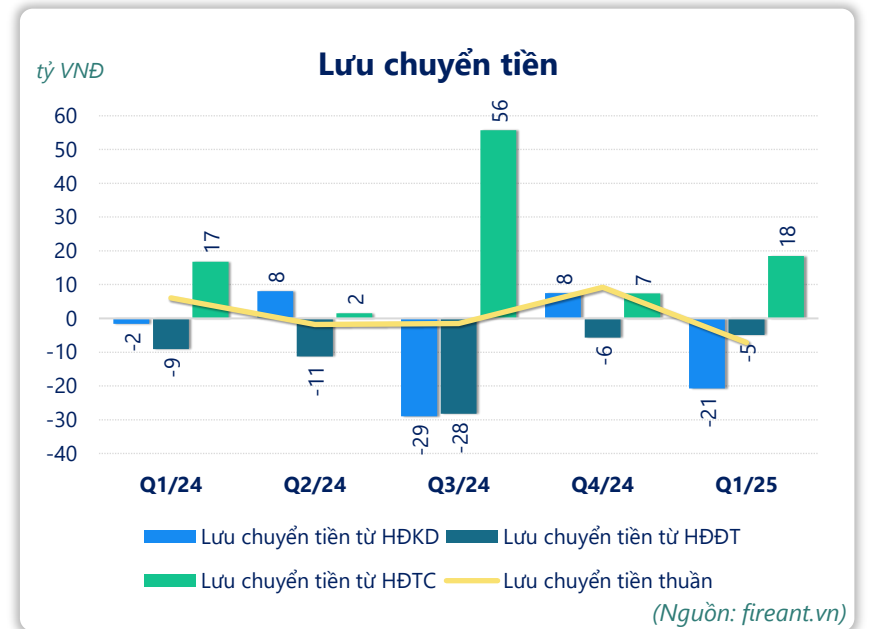


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,500
SL cổ phiếu LH		15,349,328
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,425
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		117
P/E		19.5
EPS		390

	YTD	1T	3T	6T
DDN	-1.3%	-1.3%	-1.3%	-2.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,025	1,173	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	933	1,080	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	22.0	29.1	-24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	133	124	7.6%
Phải thu ngắn hạn	723	752	-3.8%
Hàng tồn kho	48.8	167	-70.8%
Tài sản ngắn hạn khác	6.55	8.81	-25.6%
Tài sản dài hạn	92.3	92.6	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.3	80.7	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.35	1.94	20.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.67	9.98	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	821	969	-15.3%
Nợ ngắn hạn	818	967	-15.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	179	160	11.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	600	737	-18.7%
Nợ dài hạn	2.69	2.48	8.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	205	204	0.5%
Vốn chủ sở hữu	205	204	0.5%
Vốn điều lệ	153	153	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	295	352	397	349	301
Giá vốn hàng bán	278	329	372	324	279
Lợi nhuận gộp	17.3	22.9	25.1	24.7	22.0
Doanh thu HĐTC	8.58	-0.40	6.59	7.36	7.70
Chi phí TC	7.68	0.46	5.70	6.33	8.78
Chi phí lãi vay	0.77	0.66	1.07	1.48	1.73
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.0	15.3	21.6	24.7	17.3
Chi phí QLDN	3.68	4.24	2.74	5.49	2.81
LN thuần từ HĐKD	2.56	2.55	1.64	-4.53	0.83
Lợi nhuận khác	0.42	0.11	5.56	0.94	0.51
LN trước thuế	2.99	2.66	7.19	-3.60	1.34
Lợi nhuận sau thuế	2.39	2.12	5.76	-2.93	1.04
LNST của CĐ cty mẹ	2.39	2.12	5.76	-2.93	1.04

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.64	8.03	-29.0	7.50	-20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.10	-11.3	-28.3	-5.64	-4.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.8	1.54	55.7	7.35	18.5
Tiền đầu kỳ	17.2	23.2	21.5	19.9	29.1
Lưu chuyển tiền thuần	6.02	-1.76	-1.55	9.22	-7.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	23.2	21.5	19.9	29.1	22.0

(Nguồn: fireant.vn)